TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **21**/2018/HS-ST
Ngày: 03/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.
Ông Trương Thế Cường.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Thư Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Đinh Quốc Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2018/HSST ngày 12 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Lưu Thanh T**; Sinh ngày: 29/6/1997; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 215/2A đường BS, Phường D, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lưu Thành S và bà: Võ Thị O; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 10/8/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 24 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 218/2017/QĐ-TA); Bị bắt, tạm giam ngày 19/01/2018.

(có mặt)

2. **Trần Thanh S**; Sinh ngày: 29/4/1988; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 11/2 đường LBT, Phường L, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Q và bà: Trần Thị H; Có vợ: Là bà Lý Thị Đài T và con: Không; Tiền án: Ngày 02/6/2009, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội « Cướp tài sản » (Bản án số: 77/2009/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/02/2016 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 234/GCN của Trại giam Thủ Đức); Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 17/11/2017.

(có mặt)

- *Bị hại:*

1. Ông Phan Thanh T; Sinh năm: 1988; Thường trú: Ấp Phú Hòa, xã PQ, thị xã CL, tỉnh TG; Chỗ ở: 451 đường GP, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Ông Phạm Văn T; Sinh năm: 1966; Trú tại: 2385/64 đường PTH, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Hộ kinh doanh HT; Địa chỉ: 10/2 đường ADV, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện Hộ kinh doanh HT:* Ông Trần Xuân H1; Sinh năm: 1979; Thường trú: 212/27 đường ADV, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 10/2 đường ADV, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

(vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc D; Sinh năm: 1985; Thường trú: Khóm 3, phường 11, thành phố CL, tỉnh ĐT; Chỗ ở: 199 đường TL, phường BTĐB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

3. Ông Trần Văn H; Sinh năm: 1954; Thường trú: Ấp Lộc Hậu, xã ML, huyện CG, tỉnh LA.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trên cơ sở kết quả điều tra, đã xác định Lưu Thanh T và Trần Thanh S thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ 1: Khoảng 02 giờ ngày 09/8/2017, Lưu Thanh T phát hiện trước tiệm game bắn cá số 576 đường PVC, Phường H, Quận F có để 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision màu trắng, biển số 63B2-330.21, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này. Để thực hiện ý định, T vào trong tiệm game rủ Trần Thanh S cùng thực hiện. Sau khi S đồng ý, T dẫn chiếc xe gắn máy biển số 63B2-330.21 ra ngoài rồi ngồi lên xe để S điều khiển xe gắn máy (loại xe Wave màu xanh, không rõ biển số) đẩy T đem xe đến hẻm 251 đường BS, Phường D, Quận F cất giấu. Sau đó, S chở T đến tiệm game 521A đường PVC, Phường G, Quận F. Tại đây, T mượn điện thoại của S gọi cho một người tên P (không rõ lai lịch) nhờ cầm xe. Do S không đi nên T rủ Vương Thị Thu H đi cùng, H đồng ý và lấy xe gắn máy của S chở T đến hẻm 251 đường BS lấy chiếc xe biển số 63B2-330.21 đem qua đường TĐ, Quận D đưa P đem đi cầm với giá 4.000.000 đồng, P đưa cho T 3.000.000 đồng, đưa cho S 600.000 đồng.

Quá trình điều tra, ông Trần Xuân H1 (chủ Hộ kinh doanh HT) giao nộp chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision màu trắng, biển số 63B2-330.21 và ông H1 khai cầm chiếc xe này từ bà Nguyễn Thị Ngọc D với giá 8.000.000 đồng vào khoảng giữa tháng 8/2017.

Vụ thứ 2: Khoảng 21 giờ ngày 17/11/2017, Trần Thanh S thấy có chiếc xe gắn máy (kiểu dáng Honda Dream) hiệu Pomuspacyan màu nâu, biển số 62F8-5515 của ông Phạm Văn T đang dựng trước nhà số 125/1 đường PVC, Phường C, Quận F. Quan sát thấy không có người trông coi, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này. Để thực hiện ý định, S đến dẫn bộ chiếc xe đi được khoảng 30 mét rồi dùng cây đoản (giấu sẵn trong người) ra mở ổ khóa công tắc nổ máy điều khiển xe chạy đến trước nhà số 125/13 đường PVC thì bị bà Võ Thị Ngọc N phát hiện tri hô. S liền bỏ xe chạy bộ đến trước nhà số 125/19 đường PVC thì bị quần chúng xung quanh đuổi theo bắt giữ giao Công an Phường C, Quận F giải quyết.

Tại các Văn bản số: 2006/TCKH ngày 20 tháng 11 năm 2017 và số: 2123/TCKH ngày 11 tháng 12 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 6 thống nhất giá như sau:

+ 01 xe mô tô 2 bánh hiệu POMUSPACYAN, sơn màu nâu, biển số 62F8-5515, SK: 0031S-056074, SM: MG3-10341074 (xe cũ đã qua sử dụng), có giá là: 1.000.000 đồng.

+ 01 xe Honda Vision màu trắng, biển số 63B2-330.21, SK: 3315DY382901, SM: F33E-0463044, có giá là: 17.000.000 đồng.

Đối với các ông, bà Trần Xuân H1, Vương Thị Thu H, Nguyễn Thị Ngọc D, là những người có liên quan đến việc mua, cầm chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision màu trắng, biển số 63B2-330.21, nhưng đều không biết rõ đó là tài sản do phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn người tên P, Cơ quan điều tra không xác định được lai lịch.

Tại Cáo trạng số: 24/CT-VKS ngày 12 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Lưu Thanh T, Trần Thanh S về tội « Trộm cắp tài sản » theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lưu Thanh T, Trần Thanh S đều khai nhận chính các bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản như bản cáo trạng nêu;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Ngọc D khai: Qua giới thiệu của một người bạn tên T1 (không rõ lai lịch), bà có mua 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision màu trắng, biển số 63B2-330.21 với giá 12.000.000 đồng tại tiệm cầm đồ bên Quận 8. Sau đó, do kẹt tiền nên bà đem xe cầm cho ông Trần Xuân H1 (chủ Hộ kinh doanh HT) lấy 8.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì về phần bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lưu Thanh T, Trần Thanh S như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết

tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Lưu Thanh T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội « Trộm cắp tài sản » theo khoản 1 Điều 138; điểm g, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Phạt bị cáo Trần Thanh S từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội « Trộm cắp tài sản » theo khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm g, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Không phạt tiền đối với các bị cáo, do các bị cáo không có khả năng thi hành.

Buộc bị cáo Lưu Thanh T nộp lại 3.000.000 đồng, buộc bị cáo Trần Thanh S nộp lại 600.000 đồng, là tiền do các bị cáo phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

Về bồi thường thiệt hại: Các ông bà Phan Thanh T, Phạm Văn T, Trần Xuân H1, Nguyễn Thị Ngọc D không yêu cầu bồi thường, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 cây đoản phá khóa xe.

Các vật chứng khác Cơ quan điều tra đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Lưu Thanh T, Trần Thanh S nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật và đều xin Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo Lưu Thanh T, Trần Thanh S tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; lời khai của bị hại Phan Thanh T, Phạm Văn T; của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lưu Thanh T, Trần Thanh S đã phạm tội «Trộm cắp tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại

khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Các bị cáo Lưu Thanh T, Trần Thanh S đã lợi dụng sự sơ hở của ông Phan Thanh T, lén lút chiếm đoạt của ông Phan Thanh T 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision màu trắng, biển số 63B2-330.21 trị giá 17.000.000 đồng. Trong vụ án này, bị cáo Lưu Thanh T là người rủ rê, xúi giục và trực tiếp chiếm đoạt tài sản, đem tài sản chiếm đoạt được đi cầm. Còn bị cáo Trần Thanh S là đồng phạm giữ vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, giữa các bị cáo mặc dù có thống nhất cùng nhau thực hiện tội phạm, nhưng không có sự câu kết chặt chẽ, nên tính tổ chức ở đây chỉ là giản đơn.

Ngoài ra, tối ngày 17/11/2017 bị cáo Trần Thanh S còn sử dụng cây đoản bẻ ổ khóa công tắc chiếm đoạt của ông Phạm Văn T 01 chiếc xe gắn máy hiệu Pomuspacyan, sơn màu nâu, biển số 62F8-5515 trị giá 1.000.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Lưu Thanh T, Trần Thanh S không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân.

Các bị cáo Lưu Thanh T, Trần Thanh S hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra, nhưng do tham lam, lười lao động, lại muốn có tiền để tiêu xài và nhất là xem thường pháp luật, nên các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên.

[3] Bị cáo Trần Thanh S bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Còn bị cáo Lưu Thanh T, ngày 10/8/2017 bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy. Lẽ ra các bị cáo phải biết rèn luyện, tu dưỡng để trở thành người có ích cho gia đình và cho xã hội, nhưng ngược lại vẫn tiếp tục sống buông thả (đều nghiệm game, nghiện ma túy) để ngày càng lún sâu vào con đường phạm tội.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Lưu Thanh T, Trần Thanh S tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo đã hoàn thành, việc các bị cáo bị phát hiện bắt giữ là hoàn toàn ngoài ý muốn của các bị cáo, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (tài sản đã được thu hồi trả bị hại); có thái độ thành khẩn nhận tội. Riêng bị cáo Lưu Thanh T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình đối với các bị cáo theo quy định tại các điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, thì các bị cáo Lưu Thanh T, Trần Thanh S còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Xét các bị cáo đều không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Buộc bị cáo Lưu Thanh T nộp lại 3.000.000 đồng, buộc bị cáo Trần Thanh S nộp lại 600.000 đồng, là tiền do các bị cáo phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[7] Việc bồi thường thiệt hại: Các ông, bà Phan Thanh T, Phạm Văn T, Trần Xuân H1, Nguyễn Thị Ngọc D không có ý kiến hay yêu cầu gì về phần bồi thường, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Việc xử lý vật chứng: Công cụ mà bị cáo Trần Thanh S dùng vào việc phạm tội là 01 cây đoản phá khóa xe, Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 234/PNK ngày 25 tháng 11 năm 2017 của Công an Quận 6 - BL117A).

Cơ quan điều tra đã xử lý trả 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision màu trắng biển số 63B2-330.21, 01 Giấy đăng ký xe biển số 63B2-330.21 và 01 Chứng minh nhân dân mang tên Phan Thanh T cho ông Phan Thanh T; trả 01 chiếc xe gắn máy (kiểu dáng Honda Dream), biển số 62F8-5515 cho ông Phạm Văn T; trả 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Ngọc D cho bà Nguyễn Thị Ngọc D (theo ba Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu cùng ngày 12/02/2018 - BL181, 182, 182A), do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với các ông, bà Trần Xuân H1, Vương Thị Thu H, Nguyễn Thị Ngọc D, Viện kiểm sát xác định các ông, bà này đều không biết rõ chiếc xe gắn máy hiệu Honda Vision màu trắng, biển số 63B2-330.21, là tài sản do các bị cáo Lưu Thanh T, Trần Thanh S phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn người tên P, Cơ quan điều tra không xác định được, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Các bị cáo Lưu Thanh T, Trần Thanh S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo **Lưu Thanh T**, **Trần Thanh S** phạm tội: « Trộm cắp tài sản ».

- Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm g, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo **Lưu Thanh T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 19/01/2018.

- Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm g, điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo **Trần Thanh S** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2017.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lưu Thanh T nộp lại 3.000.000 (ba triệu) đồng, là tiền do bị cáo phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Trần Thanh S nộp lại 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng, là tiền do bị cáo phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) cây đoản phá khóa xe.

- Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Lưu Thanh T, Trần Thanh S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Ngọc D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

Nguyễn Thị Thùy Liên